

CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
(Kèm theo Công văn số: 7739/SXD-VLXD ngày 5/7/2018 của Sở Xây dựng)

CÔNG TY
CỔ PHẦN CIC39

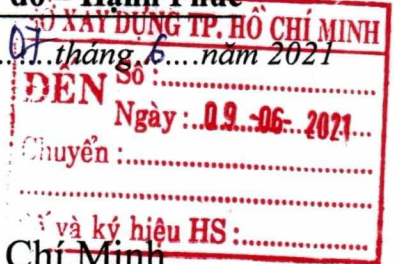
Số: 343/CTY-KD

Về việc: đăng bảng giá các sản phẩm
của Công ty lên bảng công bố VLXD
định kỳ tại Sở Xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày...07...tháng...6...năm 2021



Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty Cổ phần CIC39 kính trình Quý Cơ quan xem xét cho công bố giá sản phẩm, hàng hóa Cống bê tông ly tâm, cống hộp, gôl cống, gạch bê tông tự chèn, gạch Terrzzo, gạch bê tông (gạch không nung) các loại định kỳ tại Sở Xây dựng, kèm theo các tài liệu như sau:

1. Bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của đơn vị (bản chính) theo quy định tại Điều 6, Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13 (đính kèm).
2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp.
3. Tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng của đơn vị đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu đề nghị công bố theo quy định tại Điều 23 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4. Nhãn hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.
5. Tài liệu thể hiện việc duy trì kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do đơn vị sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng theo quy định tại Điều 10, Điều 28, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Ví dụ: Phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định hoặc công nhận).
6. Đối với VLXD thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (VLXD nhóm 2), còn phải có các tài liệu sau theo quy định tại Điều 28, Điều 34, Điều 38 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng



(hiện nay là QCVN 16:2017/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Xây dựng):

- Chứng nhận hợp quy của đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
- Bản công bố hợp quy của doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu.
- Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành nơi đơn vị sản xuất, nhập khẩu đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao gói hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm hoặc trong chứng chỉ chất lượng, tài liệu kỹ thuật của sản phẩm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

7. Danh sách các đại lý phân phối sản phẩm, hàng hóa có đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (nếu có).

8. Thông tin khác:

- Địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp đề nghị công bố giá:

1. Tên đơn vị: Công ty Cổ phần CIC39

Địa chỉ trụ sở chính: 45A Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3761.003 Fax: 0274.3755.605

Website: www.cic39.vn Email: cic39bd@gmail.com

- Địa điểm đặt nhà máy sản xuất sản phẩm vật liệu đề nghị công bố:

1.1. **Nhà máy sản xuất:** Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 - Xí Nghiệp Cống Bê Tông

Địa chỉ: số 6 đường đò 16, khu phố Cây Chàm, phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Địa chỉ: 216B ấp Bưng Thuốc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.2461.237 Fax: 0274.2461.238

1.2. **Nhà máy sản xuất:** Chi nhánh Công ty Cổ phần CIC39 - Xí Nghiệp Gạch Bê tông.

Địa chỉ: 5/138 đường Đại lộ Bình Dương, KP. Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại: 0274.3761.003 Fax: 0274.3755.605

- Thông tin liên lạc của lãnh đạo Công ty và cán bộ phụ trách đăng ký công bố giá (họ và tên, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số fax): Ông Nguyễn Thế Phi (Trưởng Phòng Kinh doanh – 0913.860.027). Người thực hiện đăng ký công bố giá: Lê Ngọc Đệ (Tổ trưởng Tổng hợp – 0913.735.877 – Email: lengocde83@gmail.com).

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 8/6/2021 đến ngày 31/12/2021 (đính kèm bảng giá).

Công ty Cổ phần CIC39 cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật Giá số 11/2012/QH13.

Công ty Cổ phần CIC39 xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD, P.TGD;
- Lưu: VT, (Đệ/KD)/4.



Handwritten text and circular stamps, possibly a library or archival mark, located in the lower-left quadrant of the page. The text is faint and difficult to decipher, but appears to include some numbers and possibly a date or reference code. The circular stamps contain illegible text, likely identifying the source or location of the document.

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Kèm theo công văn số: 343... ngày 7 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần CIC39)

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM GẠCH TERRAZZO, GẠCH BÊ TÔNG, CỐNG, GÓI CỐNG

Mức giá niêm yết (giá bán buôn/bán lẻ)

Stt	Tên sản phẩm (theo tiêu chuẩn)	Tên thương mại	Chất lượng	Đvt	Mức giá bán hiện hành (chưa VAT)	Mức giá bán mới (chưa VAT)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
I Gạch Bê Tông Tự Chèn									
1	- Gạch chữ I màu xám 195x160x60mm, M200	- Gạch chữ I màu xám 195x160x60mm , M200	Gạch bê tông tự chèn các loại được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quatest 3) cấp giấy chứng nhận số: 37-16 (CIC01-CD/2020), phù hợp với tiêu chuẩn: TCVN 6476: 1999	Đồng/m2	116.363	116.363	-	0%	1. Đơn giá báo giao tại các Quận: Q.1, Q.3, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11 2. Giá tăng thêm: 2-3% gồm các quận, huyện: Q.4, Q.7, Nhà Bè 3. Giá giảm thêm từ: 3-5% gồm các quận, huyện: Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Quận 12, Hóc Môn, Củ Chi 4. Giá giảm thêm: 5-7% gồm các quận, huyện: Q.2, Q.9, Thủ Đức
2	- Gạch chữ I màu vàng, đỏ 195x160x60mm, M200	- Gạch chữ I màu vàng, đỏ 195x160x60mm , M200		Đồng/m2	122.154	122.154	-	0%	
3	- Gạch con sâu màu xám 220x110x60mm, M200	- Gạch con sâu màu xám 220x110x60mm , M200		Đồng/m2	115.195	115.195	-	0%	
4	- Gạch con sâu màu vàng, đỏ 220x110x60mm, M200	- Gạch con sâu màu vàng, đỏ 220x110x60mm , M200		Đồng/m2	120.612	120.612	-	0%	
5	- Gạch con sâu màu xám ghi 220x110x60mm, M200	- Gạch con sâu màu xám ghi 220x110x60mm , M200		Đồng/m2	119.945	119.945	-	0%	
II Gạch Terrazzo									
1	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu đỏ	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu đỏ	Gạch Terrazzo các loại được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (Quatest 3) cấp giấy chứng nhận số: 61-18	Đồng/m2	95.786	95.786	-	0%	1. Đơn giá báo giao tại các Quận: Q.1, Q.3, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11 2. Giá tăng thêm từ: 0,6 - 1,2% gồm các quận, huyện: Q.4, Q.7, Q.8, Nhà Bè, Tân Phú, Tân Bình, Bình Tân
2	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu vàng	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu vàng		Đồng/m2	94.795	94.795	-	0%	
3	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu xanh	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu xanh		Đồng/m2	101.038	101.038	-	0%	
4	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu ghi	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 8mm, màu ghi		Đồng/m2	87.958	87.958	-	0%	
5	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu đỏ	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu đỏ		Đồng/m2	86.868	86.868	-	0%	

Stt	Tên sản phẩm (theo tiêu chuẩn)	Tên thương mại	Chất lượng	Đvt	Mức giá bán hiện hành (chưa VAT)	Mức giá bán mới (chưa VAT)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
6	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu vàng	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu vàng	(CIC01-CD-2020), phù hợp với tiêu chuẩn: TCVN 7744:2013	Đồng/m ²	86.175	86.175	-	0%	3. Giá tăng thêm 3% gồm huyện: Bình Chánh 4. Giá giảm 0,5% gồm các quận, huyện: Q.2, Q.9, Q.12, Thủ Đức, Gò Vấp, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Hóc Môn, Củ Chi
7	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu xanh	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu xanh		Đồng/m ²	90.832	90.832	-	0%	
8	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu ghi	Gạch Terrazzo (400x400x32) mm, lớp mặt dày 5mm, màu ghi		Đồng/m ²	80.923	80.923	-	0%	

III Công Bê Tông Ly Tâm (sản xuất theo thiết kế của Sở Giao Thông Công Chính)

1	Cống BTLT Ø300-4m-C	Cống BTLT Ø300 H30-4m	Cống bê tông các loại được Tổng cục đo lường chất lượng Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp giấy chứng nhận số: SP 764/5.20.16, phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 9113: 2012	Đồng/mét	429.694	461.185	31.491	7%	1. Đơn giá báo giao tại các quận: Q.1, Q.3, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11 2. Giá tăng thêm 1,5 % gồm các quận, huyện: Q.4, Q.7, Q.8, Nhà Bè, Tân Phú, Tân Bình, Bình Tân 3. Giá tăng thêm 3% gồm huyện: Bình Chánh 4. Giá giảm 1,5% gồm các quận, huyện: Q.12, Q.2, Q.9, Thủ Đức, Gò Vấp, Hóc Môn, Củ Chi ...
2	Cống BTLT Ø400-4m-C	Cống BTLT Ø400 H30-4m		Đồng/mét	526.315	566.006	39.691	8%	
3	Cống BTLT Ø600-4m-C	Cống BTLT Ø600 H30-4m		Đồng/mét	799.622	867.891	68.269	9%	
4	Cống BTLT Ø800-4m-C	Cống BTLT Ø800 H30-4m		Đồng/mét	1.533.746	1.685.494	151.748	10%	
5	Cống BTLT Ø1000-4m-C	Cống BTLT Ø1000 H30-4m		Đồng/mét	2.235.648	2.484.690	249.042	11%	
6	Cống BTLT Ø1200-3m-C	Cống BTLT Ø1200 H30-3m		Đồng/mét	3.208.155	3.478.717	270.562	8%	
7	Cống BTLT Ø1500-3m-C	Cống BTLT Ø1500 H30-3m		Đồng/mét	4.425.258	4.960.705	535.447	12%	
8	Cống BTLT Ø2000-3m-C	Cống BTLT Ø2000 H30-3m		Đồng/mét	7.014.668	7.840.846	826.178	12%	

Stt	Tên sản phẩm (theo tiêu chuẩn)	Tên thương mại	Chất lượng	Đvt	Mức giá bán hiện hành (chưa VAT)	Mức giá bán mới (chưa VAT)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
IV Gói công BTCT (sản xuất theo thiết kế của Hội KHKT Cầu Đường Việt Nam - Trung Tâm Cầu Đường Phía Nam)									
1	Gói Công BTLT p300	Gói Công BTLT p300	Gói công bê tông ly tâm các loại đã được Tổng cục đo lường chất lượng - Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp giấy chứng nhận số: SP 2079/2.20.16, phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 10799:2015	Đồng/cái	135.985	135.985	-	0%	1. Đơn giá báo giao tại các quận: Q.1, Q.3, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11 2. Giá tăng thêm 1,5 % gồm các quận, huyện: Q.4, Q.7, Q.8, Nhà Bè, Tân Phú, Tân Bình, Bình Tân 3. Giá tăng thêm 3% gồm huyện: Bình Chánh 4. Giá giảm 1,5% gồm các quận, huyện: Q.12, Q.2, Q.9, Thủ Đức, Gò Vấp, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Hóc Môn, Củ Chi
2	Gói Công BTLT p400	Gói Công BTLT p400		Đồng/cái	150.417	150.417	-	0%	
3	Gói Công BTLT p500	Gói Công BTLT p500		Đồng/cái	199.525	199.525	-	0%	
4	Gói Công BTLT p600	Gói Công BTLT p600		Đồng/cái	214.338	214.338	-	0%	
5	Gói Công BTLT p800	Gói Công BTLT p800		Đồng/cái	235.601	235.601	-	0%	
6	Gói Công BTLT p1000	Gói Công BTLT p1000		Đồng/cái	292.588	292.588	-	0%	
7	Gói Công BTLT p1200	Gói Công BTLT p1200		Đồng/cái	468.215	468.215	-	0%	
8	Gói Công BTLT p1500	Gói Công BTLT p1500		Đồng/cái	578.529	578.529	-	0%	
9	Gói Công BTLT p1800	Gói Công BTLT p1800		Đồng/cái	1.097.495	1.097.495	-	0%	
10	Gói Công BTLT p2000	Gói Công BTLT p2000		Đồng/cái	1.475.385	1.475.385	-	0%	
V Công hợp (sản xuất theo thiết kế của Công ty Cp Tư Vấn Đầu Tư Xây dựng Hồng Anh)									
1	Công hợp (1.0x1.0)mx1.2m	Công hợp (1.0x1.0)mx1.2m	Công bê tông các loại được Tổng cục đo lường chất lượng - Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp giấy chứng nhận số: SP 1393/2.18.16, phù hợp tiêu chuẩn: TCVN 9116:2012	Đồng/cái	3.773.753	4.532.037	758.284	17%	1. Đơn giá báo giao tại các quận: Q.1, Q.3, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11 2. Giá tăng thêm 1,5 % gồm các quận, huyện: Q.4, Q.7, Q.8, Nhà Bè, Tân Phú, Tân Bình, Bình Tân 3. Giá tăng thêm 3% gồm huyện: Bình Chánh 4. Giá giảm 1,5% gồm các quận, huyện: Q.12, Q.2, Q.9, Thủ Đức, Gò Vấp, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Hóc Môn, Củ Chi
2	Công hợp (1.2x1.2)mx1.2m	Công hợp (1.2x1.2)mx1.2m		Đồng/cái	4.374.610	5.151.564	776.954	15%	
3	Công hợp (1.6x1.6)mx1.2m	Công hợp (1.6x1.6)mx1.2m		Đồng/cái	6.331.555	7.265.313	933.758	13%	
5	Công hợp (2.0x2.0)mx1.2m	Công hợp (2.0x2.0)mx1.2m		Đồng/cái	10.334.669	11.819.479	1.484.810	13%	
7	Công hợp (2.5x2.5)mx1.2m	Công hợp (2.5x2.5)mx1.2m		Đồng/cái	15.301.817	18.067.823	2.766.006	15%	
8	Công hợp (3.0x3.0)mx1.2m	Công hợp (3.0x3.0)mx1.2m		Đồng/cái	21.067.384	23.662.082	2.594.698	11%	
9	Công hợp đôi (2.0x2,0)mx1,2m	Công hợp đôi (2.0x2,0)mx1,2m		Đồng/cái	21.060.771	22.714.762	1.653.991	7%	
10	Công hợp đôi (2.5x2,5)mx1,2m	Công hợp đôi (2.5x2,5)mx1,2m		Đồng/cái	32.613.959	35.037.260	2.423.301	7%	
11	Công hợp đôi (3.0x3,0)mx1,2m	Công hợp đôi (3.0x3,0)mx1,2m		Đồng/cái	47.156.769	50.751.508	3.594.739	7%	



Stt	Tên sản phẩm (theo tiêu chuẩn)	Tên thương mại	Chất lượng	Dvt	Mức giá bán hiện hành (chưa VAT)	Mức giá bán mới (chưa VAT)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm	Ghi chú
VI Gạch bê tông không nung			Gạch bê tông các loại được phân loại VLXD Miền Nam cấp giấy chứng nhận số: 261/2019/DNSX - SVIBM, phù hợp với quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD (cấp lại lần 3 ngày 26/11/2020)						
1	Gạch bê tông 40 x 80 x 180	Gạch bê tông 40 x 80 x 180		Đồng/viên	1.089	1.089	-	0%	1. Đơn giá báo giao tại các Quận: Q.1, Q.3, Q.5, Q.6, Q.10, Q.11 2. Giá tăng thêm: 2-3% gồm các quận, huyện: Q.4, Q.2, Q.9, Thủ Đức, Q.7, Nhà Bè 3. Giá giảm thêm từ: 1-2% gồm các quận, huyện: Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Quận 12, Hóc Môn, Củ Chi 4. Giá giảm thêm: 5-7% gồm các quận, huyện: Q.2, Q.9, Thủ Đức
2	Gạch bê tông 80 x 80 x 180	Gạch bê tông 80 x 80 x 180		Đồng/viên	1.190	1.190	-	0%	

- Đơn giá trên có hiệu lực kể từ ngày 8/6/2021 cho đến khi có thông báo giá mới. Trường hợp có thay đổi về giá Công ty sẽ cập nhật bổ sung kịp thời. Hiện Công ty có điều chỉnh giá tăng các sản phẩm công do ảnh hưởng bởi nguồn nguyên vật liệu đầu vào tăng và nhằm phù hợp với giá cả thị trường.

- Điện thoại: 0274.3761.003

Công ty Cổ phần CIC39 cam kết về việc các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và Kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng, đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 - Luật giá số: 11/2012/QH13.

Công ty Cổ phần CIC39 xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đăng ký, kê khai và niêm yết.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng TPHCM;
- Lưu: (Đê- KD)/3.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Văn Lãnh